

CÔNG TY CP TM SUPER PHOSPHATE
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP TM SUPER PHOSPHATE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SUPER PHOSPHATE TM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110784910

3. Ngày thành lập: 16/07/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 7, Tòa nhà Sannam, số 78 phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0915426378

Fax:

Email: Binhminhphat@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón sử dụng trong nông nghiệp; - Bán buôn thuốc bảo vệ thực vật	4669
2.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn và đồ uống không có cồn	4633
3.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
4.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác	4661
5.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn, xuất nhập khẩu thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác kể cả dùng làm giống; bán buôn xuất nhập khẩu các loại hoa và cây trồng, kể cả cây trồng và các loại dùng để làm giống; bán buôn các loại nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
6.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn, xuất nhập khẩu rau sạch, đậu sạch, củ sạch, quả sạch các loại và các loại thực phẩm sạch khác	4632
7.	Bán buôn tổng hợp	4690
8.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
9.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
10.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ uống có cồn và đồ uống không có cồn	4723

11.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ phân bón sử dụng trong nông nghiệp; - Bán lẻ thuốc bảo vệ thực vật; - Bán lẻ thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác kể cả dùng làm giống; - Bán lẻ các loại hoa và cây trồng, kể cả cây trồng và các loại dùng để làm giống; - Bán lẻ các loại nông, lâm sản nguyên liệu (trụ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.	4773
12.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
13.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ rau sạch, đậu sạch, củ sạch, quả sạch các loại và các loại thực phẩm sạch khác	4722
14.	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: Chế biến và bảo quản rau sạch, đậu sạch, củ sạch, quả sạch các loại	1030
15.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
16.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
17.	Chuẩn bị mặt bằng (Loại trừ hoạt động nổ mìn)	4312
18.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
19.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý phân bón, vật liệu xây dựng, nước sạch sinh hoạt, thuốc bảo vệ thực vật	4610(Chính)
20.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: Dịch vụ ăn uống dinh dưỡng theo chế độ bệnh lý và chế độ ăn kiêng	5629
21.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
22.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự	5510
23.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: Dịch vụ phục vụ đồ uống bổ dưỡng, đồ uống cho người ăn kiêng; dịch vụ phục vụ đồ uống có cồn và đồ uống không có cồn	5630
24.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ: - Dạy về tôn giáo; - Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể)	8559
25.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
26.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313

27.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Quản lý dự án công trình dân dụng, công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp	7490
28.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
29.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
30.	Khai thác và thu gom than non	0520
31.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
32.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
33.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê kho bãi, văn phòng	6810
34.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
35.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) Chi tiết: May gia công quần áo dùng trong nội địa và xuất khẩu	1410
36.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
37.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm Chi tiết: Chọn tạo, sản xuất và chăm sóc các loại giống cây trồng nông nghiệp hàng năm	0131
38.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm Chi tiết: Chọn tạo, sản xuất và chăm sóc các loại giống cây trồng lâm nghiệp lâu năm	0132
39.	Phá dỡ (Loại trừ hoạt động nổ mìn)	4311
40.	Quảng cáo	7310
41.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
42.	Sản xuất điện Chi tiết: Điện mặt trời	3511
43.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
44.	Sản xuất hoá chất cơ bản Chi tiết: Sản xuất than củi từ các loại cây, gỗ	2011
45.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
46.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế Chi tiết: Sản xuất than bánh từ than non, than cốc;	1920
47.	Sản xuất sợi	1311
48.	Sản xuất than cốc	1910
49.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp Chi tiết: Sản xuất thuốc bảo vệ thực vật	2021
50.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
51.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
52.	Sản xuất vải dệt thoi	1312

53.	Tái chế phế liệu Chi tiết: tái chế phế liệu kim loại (tách vàng từ rác thải điện tử)	3830
54.	Thu gom rác thải độc hại Chi tiết: Thu gom rác thải độc hại khác (thiết bị điện tử)	3812
55.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
56.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức, quản lý các sự kiện và xúc tiến thương mại, hội nghị, hội thảo, đám cưới, sinh nhật	8230
57.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm Chi tiết: Trồng cây gia vị sạch, cây dược liệu sạch các loại	0128
58.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa Chi tiết: Trồng rau sạch, đậu sạch, củ sạch, quả sạch các loại và trồng hoa cây cảnh	0118
59.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
60.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
61.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
62.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp	4299
63.	Xây dựng nhà để ở	4101
64.	Xây dựng nhà không để ở	4102
65.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
66.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
67.	Trồng lúa (Không hoạt động tại trụ sở)	0111
68.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác (Không hoạt động tại trụ sở)	0112
69.	Trồng cây lấy củ có chất bột (Không hoạt động tại trụ sở)	0113
70.	Trồng cây mía (Không hoạt động tại trụ sở)	0114
71.	Trồng cây thuốc lá, thuốc Lào (Không hoạt động tại trụ sở)	0115
72.	Trồng cây lấy sợi (Không hoạt động tại trụ sở)	0116
73.	Trồng cây có hạt chứa dầu (Không hoạt động tại trụ sở)	0117
74.	Trồng cây hàng năm khác (Không hoạt động tại trụ sở)	0119
75.	Trồng cây ăn quả (Không hoạt động tại trụ sở)	0121
76.	Trồng cây lấy quả chứa dầu (Không hoạt động tại trụ sở)	0122

77.	Trồng cây điều (Không hoạt động tại trụ sở)	0123
78.	Trồng cây hồ tiêu (Không hoạt động tại trụ sở)	0124
79.	Trồng cây cao su (Không hoạt động tại trụ sở)	0125
80.	Trồng cây cà phê (Không hoạt động tại trụ sở)	0126
81.	Trồng cây chè (Không hoạt động tại trụ sở)	0127
82.	Trồng cây lâu năm khác (Không hoạt động tại trụ sở)	0129

6. **Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 200.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN THẾ DUY	Tổ 10, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	66.000	660.000.000	33,000	0250820009 14	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	66.000	660.000.000	33,000		

2	LÊ THỊ THANH MAI	Thôn Đông, Xã Hồng Việt, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	66.000	660.000.000	33,000	034193015346
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	66.000	660.000.000	33,000	
3	NGUYỄN ĐÌNH QUYỀN	Tổ 28, Phường Kim Tân, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	015082009106
			Cổ phần phổ thông	68.000	680.000.000	34,000	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	68.000	680.000.000	34,000	

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

* Họ và tên: NGUYỄN ĐÌNH QUYỀN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 12/08/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 015082009106

Ngày cấp: 09/05/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 28, Phường Kim Tân, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 28, Phường Kim Tân, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội